

Nhon Trạch, ngày 17 tháng 6 năm 2026.

### BIÊN BẢN

Về việc niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân có đất bị thu hồi thuộc dự án Nâng cấp đường 25B cũ đoạn từ Trung tâm huyện Nhon Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhon Trạch

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 6 năm 2026.

Tại: UBND phường Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.

**Chúng tôi gồm có:**

- |   |   |
|---|---|
| 1. Ông: Đào Minh Tâm                                    | Chức vụ: PCT. UBND phường Nhon Trạch.       |
| 2. Ông: Nguyễn Huy Sang                                 | Chức vụ: Phó CT UBMTTQ xã Nhon Trạch.       |
| 3. Ông: Trần Đỗ Nhật Trường<br>và Đô thị.               | Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng |
| 4. Ông: Huỳnh Mộng Tâm<br>quỹ đất Chi nhánh Nhon Trạch. | Chức vụ: Chuyên viên Trung tâm Phát triển   |
| 5. Ông: Nguyễn Tấn Đước                                 | Chức vụ: Trưởng Khu phố Phước Kiếng.        |
| 6. Ông: Tăng Văn Thạnh                                  | Chức vụ: Trưởng Khu phố Đất Mới.            |

**Nội dung:**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

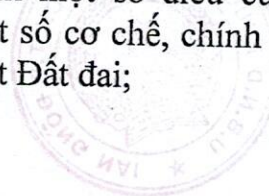
Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;



Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, giữa Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 1379/HĐTĐGD ngày 11/3/2026 của Hội đồng thẩm định giá phường Nhơn Trạch về việc thẩm định giá đất cụ thể để bồi thường dự án Nâng cấp đường 25B cũ đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch.

Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai- Chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp cùng các Ban ngành, đoàn thể và UBND phường tiến hành niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân thuộc dự án Nâng cấp đường 25B cũ đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch trên bảng thông tin của UBND phường Nhơn Trạch và bảng thông tin sinh hoạt chung tại Nhà văn hóa áp với sự chứng kiến của Ban ngành đoàn thể, UBND phường và Khu phố nơi có đất thu hồi.

Đồng thời, UBND phường đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp phường trong thời gian 10 ngày theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.

*(Đính kèm phương án bồi thường và các biểu mẫu).*

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút, cùng ngày đã thông qua cho các thành viên nêu trên nghe, biên bản được lập thành 04 bản.

**TM. UBND TỈNH ĐỒNG NAI**

**TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT  
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH**

*(Handwritten signature)*  
Nguyễn Huy Sang

*(Handwritten signature)*  
Hồng Mơ, Tâm

**PHÒNG KINH TẾ PHƯỜNG NHƠN TRẠCH**

**KHU PHỐ**

*(Handwritten signature)*  
Trần Hữu Nghĩa

*(Handwritten signature)*  
Tùng Văn Thành



**Đào Minh Tâm**

Số: /PA-TTPTQĐ

Nhon Trạch, ngày tháng năm 2026

## PHƯƠNG ÁN

**V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp  
đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51,  
xã Long Thành và xã Nhơn Trạch.**  
(Niêm yết công khai lấy ý kiến)

### I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp bất thường lần thứ năm thông qua ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/ khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc Quyết định chủ trương Đầu tư một số dự án Nhóm B, Nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, xã Long Thành và xã Nhơn Trạch;

Căn cứ Công Văn số 3690/UBND-KTN ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công Văn số 3887/UBND-KTNS ngày 16/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch;

## **II/ TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:**

### **1. Tổng quan dự án:**

- Tổng diện tích toàn tuyến: 85,5 ha
- Đã hoàn thành công tác bồi thường: 311.255,2m<sup>2</sup> (trong đó có 231.208,3m<sup>2</sup> đất công). Còn lại 80.046,9m<sup>2</sup> đất của hộ dân tiếp tục thực hiện công tác bồi thường.
- Chiều dài đoạn tuyến đang thực hiện khoảng: 10 km
- Tổng số: 230 hồ sơ (trong đó 205 trường hợp có đất thu hồi và 25 trường hợp có tài sản trên đất người khác).

### **2. Tổng diện tích thu hồi Đợt 10: 4.211,8 m<sup>2</sup>**

Trong đó:

- Đất giao thông : 1.081,6 m<sup>2</sup>.
- Đất trồng cây lâu năm : 3.130,2 m<sup>2</sup>.

### **3. Tổng số trường hợp có đất, tài sản thu hồi:**

- Tổng số: 06 trường hợp.

Trong đó:

- 03 trường hợp có đất thu hồi.
- 01 trường hợp tài sản trên đất người khác.
- 01 Đất công
- 01 tổ chức có tài sản trên đất công

### **III/ CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:**

#### **1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **2/ Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng:**

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **3/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:**

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **4/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:**

Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ:**

##### **1/ Cơ sở xét tái định cư:**

- Căn cứ Điều 111 Luật đất đai năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND của tỉnh Đồng Nai.
- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Nhơn Trạch và nhận định dự kiến của Tổ quản lý và phát triển quỹ đất (Không thu hồi đất ở, không có nhà ở và không di chuyển chỗ ở).

##### **2/ Kết quả xét cấp tái định cư:**

- Tổng số xét tái định cư : 06 trường hợp, kết quả như sau:
- Các trường hợp đủ điều kiện xét cấp tái định cư: 0 trường hợp.
- Các trường hợp không đủ điều kiện xét cấp tái định cư là: 06 trường hợp.

*(Đính kèm danh sách chi tiết từng trường hợp xét tái định cư)*

##### **3/ Phương án bố trí, giao đất tái định cư:**

- Địa điểm bố trí tái định cư: Khu TĐC Phước An tại xã Phước An.
- Quy mô về quỹ đất dự kiến: 1.187 lô.
- Quy mô về hạ tầng kỹ thuật: đã thi công hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích lô đất tái định cư trung bình (dự kiến):  $5m \times 20m = 100m^2$ .
- Hình thức tái định cư: Giao nền đất.

##### **4/ Nghĩa vụ tài chính đối với các hộ được bố trí tái định cư:**

Tiền sử dụng đất căn cứ theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

##### **5/ Thời điểm giao lô tái định cư:**

Dự kiến bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi sau khi Chủ tịch UBND phường Nhơn Trạch phê duyệt Phương án bố trí, giao đất tái định cư; thời gian, địa điểm tổ chức bốc thăm sẽ được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch thông báo đến từng hộ gia đình, cá nhân.

#### **V/ GIÁ TRỊ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ :**

|                               |                      |             |
|-------------------------------|----------------------|-------------|
| <b>1. Giá trị bồi thường:</b> | <b>7.084.293.000</b> | <b>đồng</b> |
| <i>Trong đó:</i>              |                      |             |
| a. Bồi thường đất:            | 6.893.552.000        | đồng        |
| b. Nhà, VKT:                  | 131.818.000          | đồng        |
| c. Cây trồng:                 | 6.923.000            | đồng        |

|  |                      |             |
|--|----------------------|-------------|
| d. Hỗ trợ các loại:                                | 0                    | đồng        |
| e. Thương di dời:                                  | 52.000.000           | đồng        |
| <b>2. Chi phí hoạt động bồi thường (1) x 3.5%:</b> | <b>247.950.000</b>   | <b>đồng</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                   |                      |             |
| <b>2.1. Chi phí UBND xã (2) x 15 %:</b>            | 37.192.000           | đồng        |
| <b>2.2. Chi phí TTPTQĐ (2) x 85 %:</b>             | 210.758.000          | đồng        |
| <b>3. Tổng giá trị bồi thường (1+2):</b>           | <b>7.332.243.000</b> | <b>đồng</b> |

**(Bảy tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng)**

Trên đây là phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, xã Long Thành và xã Nhơn Trạch.



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**  
**Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

Địa chỉ: Nhơn Trạch

| Số TT   | Mã số       | Họ và tên   | Địa chỉ thường trú   | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) |                |                    |                       |                     |               | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ) | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ) | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ) | Hỗ trợ các loại   | Thường đi đời        | Tổng cộng |
|---|-------------|---|--|---------------------------------|----------------|--------------------|-----------------------|---------------------|---------------|--|---------------------------------------|---|-------------------|----------------------|-----------|
|   |             |   |  | DT đất Phi nông nghiệp          |                | DT đất Nông nghiệp |                       | DT đất chưa sử dụng |               |  |                                       |   |                   |                      |           |
|   |             |   |  | Tổng                            | Đất giao thông | Tổng               | Đất trồng cây lâu năm |                     | Đất trồng lúa |  |                                       |   |                   |                      |           |
| 1   | 228         | Hồ Sau Nhìn   | 519-521-523A Lạc Long Quân, P. 10, Q. Tân Bình, Tp. HCM                | 2.641,2                         |                | 2.641,2            | 2.641,2               |                     |               | 5.977.037.000  | 6.923.000                             |   | 20.000.000        | 6.003.960.000        |           |
| 2   | 229         | Lý Thị Hồng Khai (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế  | Áp Bung Môn, xã Long An (nay là phường Long Thành), Tp. Đồng Nai       | 57                              |                | 57                 | 57                    |                     |               | 128.991.000  |                                       |   | 12.000.000        | 140.991.000          |           |
| 3   | 230         | Cao Thị Diệp Em (TS trên đất Lý Thị Hồng Khai (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế)          | Tổ 15, ấp Đất Mới, xã Phú Hội (nay là phường Nhơn Trạch), Tp. Đồng Nai |                                 |                |                    |                       |                     |               | 113.040.000  |                                       |   |                   | 113.040.000          |           |
| 4   | 231         | Lê Thị Như Hiệp   | Số 43/5 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp (nay là phường Gò Vấp), Tp. HCM  | 348                             |                | 348                | 348                   |                     |               | 787.524.000  |                                       |   | 20.000.000        | 807.524.000          |           |
| 5   | 232 - 221BS | UBND phường Nhơn Trạch  | Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch               | 1.165,6                         | 1.081,6        | 84                 | 84                    |                     |               |  |                                       |   |                   | 0                    |           |
| 6   | 233         | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phúc Thiên Long (TS trên đất UBND phường Nhơn Trạch quản lý) | 25B Kp. Phước Lai, P. Phước Lai, Tp. Đồng Nai                          |                                 |                |                    |                       |                     |               | 18.778.000   |                                       |   |                   | 18.778.000           |           |
| <b>Tổng</b>   |             |   |  | <b>4.211,8</b>                  | <b>1.081,6</b> | <b>0.3.130,2</b>   | <b>3.130,2</b>        | <b>0</b>            | <b>0</b>      | <b>6.893.552.000</b>                                 | <b>6.923.000</b>                      | <b>0</b>                                    | <b>52.000.000</b> | <b>7.084.293.000</b> |           |
| <b>1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:</b>                            |             |   |  |                                 |                |                    |                       |                     |               |  |                                       |   |                   |                      |           |
| <b>2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%</b>                  |             |   |  |                                 |                |                    |                       |                     |               |  |                                       |   |                   |                      |           |
| <b>Trong đó:</b>  |             |   |  |                                 |                |                    |                       |                     |               |  |                                       |   |                   |                      |           |
| - Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ TĐC của TTPTQĐ (85%)  |             |   |  |                                 |                |                    |                       |                     |               |  |                                       |   |                   |                      |           |
| - Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ TĐC của UBND xã (15%) |             |   |  |                                 |                |                    |                       |                     |               |  |                                       |   |                   |                      |           |
| <b>Tổng cộng (1+2):</b>   |             |   |  |                                 |                |                    |                       |                     |               |  |                                       |   |                   |                      |           |

Bảng chữ: Bảy tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng



**BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT**  
**Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**  
Địa chỉ: Nhơn Trạch

(kèm theo Phương án số ...../PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

| Số Mã số TT | Họ và tên | Địa chỉ thường trú | Số thửa | Số thửa | Diện tích thửa (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> ) |                     |                 | Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> ) |                        | Vị trí  | Mức giá (đồng/m <sup>2</sup> ) |                   | Tình trạng pháp lý  |   |
|-------------|-----------|--------------------|---------|---------|----------------------------------|---|---------------------|-----------------|--|------------------------|---------|--------------------------------|-------------------|---|---|
|             |           |                    |         |         |                                  | Tổng                                    | Đất phi nông nghiệp | Đất nông nghiệp | Đất chưa sử dụng                           | DT đất Phi nông nghiệp |         | DT đất Nông nghiệp             | Bồi thường về đất | Hỗ trợ về đất   | Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m <sup>2</sup> ), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có). |
| 1           | 228       | Hồ Sau Nhìn        | 38      | 129     | 11.601                           | 1.070,5                                 | 1.070,5             | 1.070,5         | 1.070,5                                    | 1.070,5                | 1.070,5 | 2.263.000                      | 5.977.037.000     | Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số L. 578388, cấp ngày 31/12/1998, chỉnh lý biên động trạng tư cho bà Hồ Sau Nhìn ngày 06/3/2008 (thửa 45A, 46A-1, 56A, 121A tờ 25 cũ tương ứng thửa 129, |   |





| Số TT | Mã số | Họ và tên       | Địa chỉ thường trú  | Số tờ | Số thửa | Diện tích thửa (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> ) |                     |                 | Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> ) |                        |                    | Diện tích hồ trợ (m <sup>2</sup> ) | Vị trí   | Mức giá (đồng/m <sup>2</sup> ) |                   | Kinh phí bồi thường, hồ trợ về đất   | Tình trạng pháp lý |  |
|-------|-------|-----------------|---|-------|---------|----------------------------------|---|---------------------|-----------------|--|------------------------|--------------------|------------------------------------|--|--------------------------------|-------------------|--|--------------------|--|
|       |       |                 |   |       |         |                                  | Tổng                                    | Đất phi nông nghiệp | Đất nông nghiệp | Đất chưa sử dụng                           | DT đất Phi nông nghiệp | DT đất Nông nghiệp |                                    |  | Đất trồng cây lâu năm          | Bồi thường về đất |  | Hồ trợ về đất      | Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDDB, số diện tích m <sup>2</sup> ), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDDB với diện tích thực tế sử dụng (nếu có). |
| 3     | 231   | Lê Thị Như Hiệp | Số 43/5 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp (nay là phường Gò Vấp), | 35    | 222     | 1.750                            | 348                                     | 348                 | 348             | 348  | 348                    | 348                | 348                                | Vị trí 1 (từ mốc HLATFDB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang | 2.263.000                      | 787.524.000       | Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số U 550540, cấp ngày 26/3/2002 (thửa 238, 239, 240 tờ 14 cũ tương ứng thửa 222 tờ 35 mới)                 |                    |  |
|       |       |                 |   | 33    | 356b    | 3                                | 3                                       | 3                   |                 |  |                        |                    |                                    | Vị trí 1 (từ mốc HLATFDB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang | 2.263.000                      | 787.524.000       | Do cha mẹ khai phá để lại và được công nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2019 của UBND huyện Nhơn Trạch cũ, chưa được cấp giấy |                    |  |

| Số TT | Mã số       | Họ và tên              | Địa chỉ thường trú | Số tờ | Số thửa | Diện tích thửa (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> ) |                     |                 |                  | Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> ) |                        |                    |                                    | Vị trí | Mức giá (đồng/m <sup>2</sup> ) |               | Tình trạng pháp lý              |
|-------|-------------|------------------------|--------------------|-------|---------|----------------------------------|---|---------------------|-----------------|------------------|--|------------------------|--------------------|------------------------------------|--------|--------------------------------|---------------|---------------------------------|
|       |             |                        |                    |       |         |                                  | Tổng                                    | Đất phi nông nghiệp | Đất nông nghiệp | Đất chưa sử dụng | Tổng                                       | DT đất Phi nông nghiệp | DT đất Nông nghiệp | Diện tích hồ trợ (m <sup>2</sup> ) |        | Bồi thường về đất              | Hồ trợ về đất |                                 |
| 4     | 232 - 221BS | UBND phường Nhơn Trạch | Tp. HCM            | 33    | 73      | 84                               | 84                                      | 51,6                | 51,6            | 51,6             | 51,6                                       | 51,6                   | 51,6               | 51,6                               | 0      | 0                              | 0             | UBND phường Nhơn Trạch quản lý. |
|       |             |                        |                    | 248   | 73      | 84                               | 84                                      | 51,6                | 51,6            | 51,6             | 51,6                                       | 51,6                   | 51,6               | 51,6                               |        |                                |               | UBND phường Nhơn Trạch          |



**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ Ở - TÀI SẢN TRÊN ĐẤT**  
**Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

Địa chỉ: Nhơn Trạch

| Số TT               | Mã số | Họ và tên   | Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính             | Khối lượng | Cấp, hạng tài sản | Đơn giá xây dựng | Tỷ lệ (%) |    | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Thuộc thửa đất         | Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ   | Ghi chú           |
|---------------------|-------|---|----------------------------------|-------------------------|------------|-------------------|------------------|-----------|----|--|------------------------|--|-------------------|
|                     |       |   |                                  |                         |            |                   |                  | BT        | HT |  |                        |  |                   |
| 1                   | 230   | Cao Thị Diệp Em (TS trên đất Lý Thị Hồng Khai (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế)          | Nhà bán kiên cố                  | Đông/m <sup>2</sup> sàn | 56         |                   | 1.854.000        | 100       |    | 103.824.000                            | Thửa đất số 356, tờ 33 | Tài sản, vật kiến trúc ( trên đất Lý Thị Hồng Khai (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế) xây dựng trước năm 2013, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính | xd trước năm 2013 |
|                     |       |   | Mái che, mái hiên                | m <sup>2</sup>          | 16         | 720.000           | 80               | 9.216.000 |    |  |                        |  |                   |
| <b>Tổng</b>         |       |   |                                  |                         |            |                   |                  |           |    | <b>113.040.000</b>                     |                        |  |                   |
| 2                   | 233   | Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Phúc Thiên Long (TS trên đất UBND phường Nhơn Trạch quận lý) | Nền ciment đá dăm                | m <sup>2</sup>          | 144        |                   | 163.000          | 80        |    | 18.778.000                             | Thửa đất số 366, tờ 33 | Vật kiến trúc ( trên đất UBND phường Nhơn Trạch quận lý) xây dựng trước năm 2013, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính                                    |                   |
|                     |       |   | <b>Tổng</b>                      |                         |            |                   |                  |           |    |  |                        |  |                   |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ</b> |       |   |                                  |                         |            |                   |                  |           |    | <b>131.818.000</b>                     |                        |  |                   |

Bảng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, tám trăm mười tám ngàn đồng



**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**  
**Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

Địa chỉ: Nhơn Trạch

| Số TT            | Mã số       | Họ và tên   | Địa chỉ nơi cư trú   | Hỗ trợ tái định cư | Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm |  | Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn | Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách | Hỗ trợ dịch vụ y tế | Hỗ trợ tiền thuê nhà | Bồi thường chi phí di chuyển | Hỗ trợ khác | Thưởng do chấp hành tốt | Tổng cộng hỗ trợ |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
|------------------|-------------|---|--|--------------------|----------------------------------|--|--|--|--|---------------------|----------------------|------------------------------|-------------|-------------------------|------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-------------------|-------------------|
|                  |             |   |  |                    |                                  | Diện tích đất được hỗ trợ (m <sup>2</sup> )        | Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm |  |  |                     |                      |                              |             |                         |                  |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
| 1                | 228         | Hồ Sau Nhìn   | 519-521-523A.Lạc Long Quân, P. 10, Q. Tân Bình, Tp. HCM                | 0                  | 20                               |  |  |  |  |                     |                      |                              |             | 20.000.000              | 20.000.000       |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
| 2                | 229         | Lý Thị Hồng Khai (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế  | Áp Bung Môn, xã Long An (nay là phường Long Thành), Tp. Đồng Nai       | 0                  | 100                              |  |  |  |  |                     |                      |                              |             | 12.000.000              | 12.000.000       |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
| 3                | 230         | Cao Thị Diệp Em (TS trên đất Lý Thị Hồng Khai (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế)          | Tổ 15, ấp Đất Mới, xã Phú Hội (nay là phường Nhơn Trạch), Tp. Đồng Nai | 0                  |                                  |  |  |  |  |                     |                      |                              |             |                         |                  |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
| 4                | 231         | Lê Thị Như Hiệp   | Số 43/5 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp (nay là phường Gò Vấp), Tp. HCM  | 0                  | 20                               |  |  |  |  |                     |                      |                              |             | 20.000.000              | 20.000.000       |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
| 5                | 232 - 221BS | UBND phường Nhơn Trạch  | Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch               | 0                  | 0                                |  |  |  |  |                     |                      |                              |             |                         |                  |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
| 6                | 233         | Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Phúc Thiên Long (TS trên đất UBND phường Nhơn Trạch quản lý) | 25B Kp. Phước Lai, P. Nhơn Trạch (Hiệp Phước cũ), Tp. Đồng Nai         | 0                  | 0                                |  |  |  |  |                     |                      |                              |             |                         |                  |          |          |          |          |          |          |          |          |                   |                   |
| <b>Tổng cộng</b> |             |   |  |                    |                                  |  |  |  |  |                     |                      |                              |             | <b>0</b>                | <b>0</b>         | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>52.000.000</b> | <b>52.000.000</b> |

Bảng chữ: Năm mươi hai triệu đồng

